

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2024

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Đỗ Thị Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 167/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1977.

Đều có địa chỉ: Thôn X, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Chị D và anh T đều xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 12- 4-2002 tại UBND xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận với nhau tại nhà anh T ở thôn X, xã Lạc Long, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2004 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó cứ hết hạn hợp đồng anh T về nước thăm vợ con xong lại đi. Năm 2014 anh T về nước vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc với Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị không đồng ý để anh T tiếp tục làm ăn ở nước ngoài. Do vậy anh T không liên lạc, không quan

tâm chu cấp cho chị và các con. Đến năm 2015 chị nhận thấy cuộc sống, kinh tế khó khăn, thu nhập của chị không đủ khả năng để nuôi con nên chị đã sang Đài Loan làm ăn, anh T không hề biết. Mặc dù cùng ở Đài Loan nhưng anh chị không hề liên lạc, gặp gỡ với nhau. Đến năm 2018 chị về nước anh T cũng về Việt Nam, gia đình động viên anh chị đoàn tụ nên chị đã quay về sống chung với anh T được 01 ngày thì phát sinh mâu thuẫn. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ thời điểm đó đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, do vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc với Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị D chung sống hạnh phúc đến năm 2004 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó cứ hết hợp đồng anh về nước xong lại ký hợp đồng mới. Năm 2014 anh đang ở Đài Loan, anh không biết chị D cũng sang Đài Loan làm việc, vẫn gửi tiền về Việt Nam để chị D đi học may. Năm 2017 anh về nước, năm 2018 chị D về anh chị sống chung với nhau được 01 ngày chị D bỏ đi. Nay anh xác định anh và chị D không thể cùng chung sống, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị D để lại hết toàn bộ tài sản của chị D cho con chung của anh chị.

Về con chung: Chị D và anh T xác nhận anh chị có 01 con chung là Trần Quang N, sinh ngày 06-5-2003. Hiện nay cháu N đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D, anh T xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh với trưởng thôn X, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn: Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T cùng nhau chung sống tại thôn Kim Đậu, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau sau đó anh T và chị D đều phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhiều năm. Hiện nay anh chị đã quay về sinh sống ở địa phương tuy nhiên không sống chung cùng với nhau. Nay chị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T đề nghị tòa án giải quyết theo nguyện vọng của đương sự và theo quy định của pháp luật.

Biên ghi lời khai bà Đoàn Thị B (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D): Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc với nhau tại nhà của anh T. Vì hoàn cảnh kinh tế nên anh T phải đi nước ngoài làm ăn, chị D ở nhà nuôi con. Năm 2014 chị D cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan anh chị phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018 chị D về nước gia đình động viên hai anh chị về chung sống cùng với nhau nhưng được 01 ngày lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không biết. Từ khi chị D làm đơn xin ly hôn với anh T, anh đã nhiều lần đến nhà làm phiền, gia đình phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản ghi lời khai ông Trần Văn N (là bố đẻ của anh Trần Văn T): Anh T chị D kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc cùng với gia đình ông được vài năm anh chị ra ở riêng và phát sinh mâu thuẫn từ khi anh T đi nước ngoài, chị D cũng tự ý đi mà không cho anh T biết. Nay chị D có đơn đề nghị xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Quang N, sinh ngày 06-5-2003. Hiện nay cháu N đã đủ tuổi trưởng thành (trên 18 tuổi), có công việc ổn định nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn T trú tại thôn Kim Đậu, xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng sống xa nhau quá lâu, anh chị không có tiếng nói chung, không thường xuyên liên lạc. Đỉnh điểm mâu thuẫn là năm 2014 anh T tự ý bỏ đi sang Đài Loan làm ăn mà không được sự đồng ý của chị D. Sau đó chị D cũng sang Đài Loan không cho anh T biết. Năm 2018 sau khi anh chị về nước được gia đình hòa giải đoàn tụ nhưng cũng chỉ chung sống được 01 ngày lại phát sinh mâu thuẫn.

Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ tuy nhiên anh chỉ đồng ý ly hôn nếu như chị D đồng ý để hết tài sản lại cho con. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy hai anh chị sống ly thân với nhau không thể đoàn tụ được. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng chị D, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T có 01 con chung là Trần Quang N, sinh ngày 06-5-2003. Con chung đã trên 18 tuổi trưởng thành, khỏe mạnh có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số BLTU/2023/0002515 ngày 07-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Lạc Long, TX Kinh Môn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Hằng